

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/DS-ST
Ngày: 24-3-2023
V/v “Đòi tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C , TỈNH LONG AN**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Chí Thanh

2. Bà Nguyễn Thị Bích Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Lệ Trinh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện C , tỉnh Long An.

Ngày 24 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 01 năm 2023 về “Tranh chấp đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2023/QĐST-DS ngày 08 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm: 1987 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã L, huyện C , tỉnh Long An.

Bị đơn: Ông Ngô Văn C, sinh năm: 1983(vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã L, huyện C , tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 10/11/2022 và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

Bà và ông Ngô Văn C xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2010, quá trình chung sống giữa bà và ông C phát sinh mâu thuẫn nên đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 185/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện C. Về tài sản chung là căn nhà, bà T và ông C đã tự thỏa thuận giá trị 100.000.000đồng, ông C sẽ giao lại cho bà số tiền 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng) vào 10/11/2022 là giá trị ½ căn nhà tọa lạc tại ấp A, xã L, huyện C, ông C ký tên và cam kết giao lại cho bà số tiền trên. Từ khi nhận Quyết định ly hôn và thời hạn giao tiền đến nay ông C không thực hiện đúng như cam kết. Bà đã nhiều lần liên lạc nhưng ông C cố

tình tránh mặt. Bà T xác định vợ chồng bà chỉ có một căn nhà duy nhất và hai bên đã thống nhất giá trị để chia, ngoài ra không còn căn nhà nào khác. Nay bà T khởi kiện yêu cầu ông Ngô Văn C phải giao trả cho bà số tiền 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng), trả một lần, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Tòa án tiến hành lập thủ tục thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bị đơn ông Ngô Văn C vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Ngô Văn C có nghĩa vụ giao trả cho bà T số tiền là 50.000.000đồng nên xác định quan hệ “đòi tài sản”. Bị đơn ông Ngô Văn C có hộ khẩu thường trú tại ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét, bị đơn ông Ngô Văn C đã được Tòa án thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia vụ án nhưng đều vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông C.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Xét thấy, bà Nguyễn Thị Ngọc T khởi kiện yêu cầu ông Ngô Văn C giao trả cho bà T giá trị $\frac{1}{2}$ căn nhà mà hai bên đã thỏa thuận là 50.000.000đồng, trả một lần, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tòa án tiến hành lập thủ tục thông báo thụ lý và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, trong đó có giấy cam kết thỏa thuận chia tài sản chung là căn nhà vào ngày 31/10/2022 do bà T cung cấp nhưng ông C không có ý kiến phản đối nên đây là tình tiết không C phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vào ngày 31/10/2022 giữa ông C và bà T viết giấy cam kết thỏa thuận phân chia tài sản chung là căn nhà của ông bà trong thời kỳ hôn nhân, cụ thể: ông C được quản lý căn nhà và có trách nhiệm giao lại cho bà T số tiền 50.000.000đồng là giá trị $\frac{1}{2}$ căn nhà, thời hạn giao tiền là ngày 10/11/2022. Hai bên đương sự đã thống nhất ngày giao tiền nhưng ông C đến nay vẫn chưa thực hiện, việc chậm thanh toán tiền của ông C cho bà T không làm vô hiệu sự thỏa thuận phân chia tài sản chung nêu trên và sự thỏa thuận này không thuộc trường hợp bị vô hiệu theo quy định tại Điều 42 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Theo quy định tại các Điều 105, 106, 107, khoản 1 Điều 161 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 38,

Điều 39 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, thời điểm có hiệu lực của việc phân chia tài sản chung của bà T và ông C được tính từ ngày lập biên bản thỏa thuận phân chia tài sản. Như vậy, quyền sở hữu riêng của bà T đối với số tiền 50.000.000 đồng đã được xác lập kể từ ngày 31/10/2022. Hết thời hạn thanh toán cuối cùng theo thỏa thuận, nhưng ông C không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên bà T đã khởi kiện yêu cầu ông C phải trả số tiền 50.000.000 đồng. Trong trường hợp này, căn cứ khoản 2 Điều 164, khoản 1 Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì bà T có quyền đòi lại tài sản của mình. Do đó, cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện đòi lại tài sản của bà T.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận, nên ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 92; Điều 147; Khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 38; Điều 39; Điều 42 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 105, 106, 107, khoản 1 Điều 161 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 164, khoản 1 Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc T về việc “đòi tài sản” với ông Ngô Văn C.

Buộc ông Ngô Văn C có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc T số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: ông Ngô Văn C phải chịu 2.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc T số tiền 1.250.000đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0004881 ngày 09/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C ;
- Chi cục THADS huyện C ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Thanh Nhung